

Bản án số: 480/2024/DS-PT

Ngày: 28-5-2024

V/v: tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy

Các Thẩm phán:

1/ Ông Trương Văn Hiền

2/ Bà Lê Thị Anh Minh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân- Kiểm Sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2024/DS-PT ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 583/2023/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2261/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1958. Hộ khẩu thường trú: Số H, đường T, Phường A, quận B, Thành phố H. Địa chỉ liên lạc: Số A, đường P, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn:

1. Ông **Lê Ngọc B**, sinh năm 1958.

2. Bà **Trương Thị H1**, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ: Số A, đường N, Phường G, quận P, Thành phố H. Cùng địa chỉ liên lạc: Số A, đường N, Phường G, quận P, Thành phố H

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số A, đường N, khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố H. Tạm trú: Số G, khu phố P, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Ngày 30/12/2020 vợ chồng ông Lê Ngọc B và bà Trương Thị H1 thường trú tại 1 N, Phường G, quận P, Thành phố H đến nhà bà H tại địa chỉ số A P, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương để mượn số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, hứa 03 tháng sẽ trả hết, sau 03 tháng chưa trả thì đóng 10% tiền lãi mỗi tháng, nhưng quá hạn thanh toán, cho đến nay ông B và bà H1 vẫn chưa trả lại số tiền gốc cũng như tiền lãi. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án buộc ông B và bà H1 trả lại cho bà số tiền gốc 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/12/2020 tới ngày hòa giải cuối (02/6/2023) theo mức lãi suất là 20%/năm, tính theo tháng, tương đương 48.400.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 148.400.000 đồng. Yêu cầu bị đơn thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Ngọc B và bà Trương Thị H1 trình bày:

Ông B, bà H1 có vay bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng vào ngày 30/12/2020. Giấy nợ do bà Trương Thị H1 tự mình viết, mục đích ông B, bà H1 vay tiền để lấy tiền vốn mua vải (may đồng phục). Các bên thỏa thuận miệng với nhau là tính tiền lãi 5%/tháng. Tại thời điểm vay tiền, bà H chỉ đưa 85.000.000 đồng cho ông B, bà H1, 15.000.000 đồng còn lại ông B, bà H1 đã trả ngay cho bà H số tiền lãi của 03 tháng tiếp theo. Để làm tin, bà H cầm lại chứng minh nhân dân (CMND) của vợ chồng ông B, bà H1. Sau đó, có công việc cần dùng đến CMND nên 01 tuần sau, vợ chồng ông lên nhà bà H tìm gặp để xin lại CMND của bà H1. Bà H đã yêu cầu trả 50.000.000 đồng thì mới cho lấy lại CMND. Lúc đó, hai ông bà chỉ có đúng 32.000.000 đồng nên đã đưa hết cho bà H để lấy CMND của bà H1 về. Bà H vẫn giữ lại CMND của ông B. Việc trả 32.000.000 đồng cho bà H được ông B, bà H1 thực hiện khi ngồi ở ghế đá trước nhà của bà H và ghi vào cuốn sổ của bà H, vợ chồng ông không được giữ phần giấy ghi này. Trong nội dung ghi ở cuốn sổ đã ghi rõ là nợ 100.000.000 đồng trừ 32.000.000 đồng còn 68.000.000 đồng. Vì vậy, số tiền mà vợ chồng ông B, bà H1 còn nợ bà H là: Tiền vay gốc 100.000.000 đồng ông bà đã trả 32.000.000 đồng; lãi suất 5% x 68.000.000 đồng = 3.400.000 đồng/tháng, ông B, bà H1 đã trả cho bà H số tiền lãi của 03 tháng là 10.200.000 đồng, cần trừ vào số tiền đưa trước 15.000.000 đồng nên dư 4.800.000 đồng tiền gốc. Như vậy, tiền gốc còn lại ông B, bà H1 nợ bà H là 63.200.000 đồng; Tiền lãi: theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành N, chồng bà Nguyễn Thị Mỹ H qua các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án trình bày: Thời điểm vợ ông cho bà H1 và ông B vay tiền, ông đã phản đối vì nghĩ rằng cho vay thì dễ nhưng đòi thì khó, tuy nhiên bà H cho rằng ông B, bà H1 là bà con nên vẫn cho ông B, bà H1 vay số tiền 100.000.000 đồng. Việc cho vay này

ông biết và tôn trọng ý kiến của vợ. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 143.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi kể từ ngày hòa giải ngày 02/6/2023. Yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền nợ làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Lê Ngọc B và bà Trương Thị H1 giữ nguyên ý kiến: vợ chồng bà đã trả số tiền gốc 32.000.000 đồng cho bà H vào 01 tuần sau khi ký giấy vay tiền, vì vậy bà H mới trả lại cho bà H1 01 chứng minh nhân dân mang tên bà Trương Thị H1, còn chứng minh nhân dân của ông B thì bà H đã trả cho ông B vào buổi hòa giải ngày 02/6/2023 tại Tòa án. Ông B và bà H1 chỉ đồng ý trả số nợ gốc theo như cách tính tại phiên hòa giải ngày 02/6/2023, là 63.200.000 (sáu mươi ba triệu hai trăm ngàn) đồng, không đồng ý trả lãi, lí do vì: 01 tháng sau khi vay tiền, bà H1 cùng ông B đã liên hệ với bà H để trả lại số tiền nợ gốc là 68.000.000 (sáu mươi tám triệu) đồng, tuy nhiên bà H không đồng ý nhận lại. Ông B, bà H1 cũng yêu cầu được trả dần số tiền trên, tuy nhiên ông B và bà H1 không đưa ra lộ trình thanh toán cụ thể.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành N giữ nguyên ý kiến như trình bày tại các phiên hòa giải tại Tòa án. Số tiền vay này là tiền riêng của bà H, không liên quan đến ông, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 583/2023/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố H đã tuyên:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H

Buộc ông Lê Ngọc B và bà Trương Thị H1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H tổng số tiền tính đến ngày 02/6/2023 là 143.000.000 (một trăm bốn mươi ba triệu) đồng, bao gồm nợ gốc 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, nợ lãi 43.000.000 (bốn mươi ba triệu) đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/8/2023 bà Trương Thị H1 và ông Lê Ngọc B có đơn kháng cáo vì cho rằng Tòa cấp sơ thẩm xử không công tâm khách quan bởi thực tế sau khi vay phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn 32.000.000 đồng tiền nợ gốc và 10.200.000 đồng tiền lãi nhưng cần trừ vào số tiền 15.000.000 đã đưa trước nên số tiền gốc còn phải trả chỉ là 63.200.000 đồng. Nay yêu cầu tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ là 63.200.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà H1 ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phía nguyên đơn đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, Nhưng để tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ phía nguyên đơn tự nguyện giảm cho bị đơn 20.000.000 đồng tiền lãi chỉ yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 123.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Nhận thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị sửa án sơ thẩm vì cho rằng tòa cấp sơ thẩm không khách quan, nhưng tại phiên tòa ngoài đơn yêu cầu kháng cáo thì phía bị đơn không có chứng cứ nào chứng minh đã trả được 32.000.000 đồng nợ gốc đưa trước 15.000.000 trả lãi nên không có cơ sở vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, nhưng do tại phiên tòa phía nguyên đơn tự nguyện giảm cho bị đơn 20.000.000 đồng tiền lãi do vậy, đề nghị Hội đồng sửa bản án dân sự sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ là 123.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn kháng cáo theo qui định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn đề nghị Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền gốc còn nợ là 63.200.000 đồng vì sau khi vay bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng cộng là 36.800.000 đồng.

Xét thấy, tại đơn kháng cáo phía bị đơn cũng thừa nhận ngày 30/12/2020 có vay của nguyên đơn bà H 100.000.000 đồng lãi suất trong hạn là 5%/tháng quá hạn 10%/tháng, bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 36.800.000 đồng nhưng không được phía nguyên đơn thừa nhận, ngoài lời khai của mình thì phía bị đơn ông B bà H1 không có chứng cứ nào chứng minh về việc đã trả số tiền nêu trên. Nhận thấy, Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và điều chỉnh lại mức lãi suất khi các bên thỏa thuận vượt quá mức lãi suất cho vay theo quy định của pháp luật là có căn cứ đúng quy định đảm bảo quyền và lợi

ích của cả hai bên và còn có lợi cho phía bị đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông B bà H1. Tuy nhiên, tại phiên tòa phía nguyên đơn tự nguyện giảm một phần lãi là 20.000.000 đồng cho phía bị đơn. Xét thấy, sự tự nguyện này của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét nên sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận N theo hướng buộc bà H1 ông B phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi là 23.000.000 đồng.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông B bà H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị H1 và ông Lê Ngọc B.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 583/2023/DS-ST ngày 02/8/2023 của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố H.

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H

Buộc ông Lê Ngọc B và bà Trương Thị H1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H tổng số tiền tính đến ngày 02/6/2023 là 143.000.000 (một trăm bốn mươi ba triệu) đồng, bao gồm nợ gốc 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, nợ lãi 43.000.000 (bốn mươi ba triệu) đồng.

Ghi nhận bà H tự nguyện giảm cho bị đơn 20.000.000 đồng tiền lãi. Như vậy, bị đơn phải trả cho bà H tổng số tiền là 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng).

2.2. Về án phí:

Ông Lê Ngọc B và bà Trương Thị H1 được miễn tiền án phí do là người cao tuổi.

H2 lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0029538 ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông B, bà H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. H;
- VKSND Cấp cao tại TP. H;
- VKSND TP. H;
- TAND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thủy